TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **08**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/01/2019
Về việc: "Yêu cầu xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đoạt

2. Ông Nguyễn Thanh Cần

- Thư ký ghi biên bản: Bà Nguyễn Thị Thành Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 330/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018 về việc **"**Xin ly hôn**"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1973 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Hồ Văn K**, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã N, huyện H, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Tôi và anh Hồ Văn K quen biết, tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân từ năm 1993, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Thái Sơn ngày 23/10/2002. Trong thời gian chung sống, vợ chồng tôi sinh được 02 người con chung tên Hồ Thanh S, sinh năm 1995 và Hồ Thị Kim H, sinh năm 1997. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh K quên đi trách nhiệm làm chồng, làm cha trong gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt về chửi mắng,

hành hung tôi, làm cho không khí gia đình xào xáo, không được yên ổn. Tôi đã cố gắng nhịn nhục, chịu đựng mấy năm nay nhưng anh K vẫn không hề thay đổi, đến nỗi con trai tôi còn động viên cho tôi làm đơn ly hôn với cha nó.

Nay tôi nhận thấy rằng tôi và anh K không thể nào tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng được nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh K để mỗi người có cuộc sống riêng của mình. Nếu sau này anh K biết thay đổi, chăm lo cho gia đình thì tôi mới quay về đoàn tụ lại với anh K.

Về con: Các con tôi đã trưởng thành hết nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có thiếu nợ ai.

** Bị đơn ông Hồ Văn K trình bày trình bày:*

Tôi và cô D tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 1993. chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Thái Sơn ngày 23/10/2002. Trong thời gian chung sống, vợ chông tôi có 02 con chung tên Hồ Thanh S, sinh năm 09/02/1997 và Hồ Thị Kim H, sinh năm 1995. Hiện nay các cháu đã trưởng thành hết rồi.

Về mâu thuẫn: Chúng tôi cũng có vài lần xích mích nhưng không có mâu thuẫn gì lớn, không đến mức phải ly hôn. Nay tôi không đồng ý ly hôn vì tôi còn thương vợ thương con.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Hồ Văn K kết hôn là do tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/10/2002 là đúng quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống ông bà đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do ông K ghen tuông vô cớ nên thường xuyên nhậu nhẹt rồi chửi mắng, hành hung vợ, làm cho gia đình và tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt.

Tại phiên tòa hôm nay, bà D xác định không còn tình cảm gì với ông K, không thể hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng với ông K nên bà mong muốn được ly hôn để chấm dứt mối quan hệ vợ chồng này.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà D và ông K đã phát sinh mâu thuẫn một thời gian dài. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mời các bên tham gia phiên hòa giải nhưng bà D kiên quyết không muốn hàn gắn, đoàn tụ lại với ông K. Như vậy quan hệ hôn

nhân giữa bà D và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà D.

2. Về con chung: Bà D và ông K có 02 người con chung tên Hồ Thanh S, sinh năm 1995 và Hồ Thị Kim H, sinh năm 1997. Hiện nay các con ông bà đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án Kc khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà D.

5. Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, Điều 227, Điều 228 Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Hồ Văn K.

2. Về con chung: Các con ông bà đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án Kc khi có yêu cầu.

5. Về án phí Hôn nhân sơ th ẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại

Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0009106 ngày 24 tháng 9 năm 2018. Chị D không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền Kng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Nam Thái Sơn
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc